藤枝ゴルフ同好会 令和元年度成績表

氏　名	AVE..	ﾎﾟｲﾝﾄ	年間獲得数				4月例会														5月例会												6月例会												7月例会												8月例会												9月例会											
			BG	BD	NP	EAGLE	西	東	G	H	NET	P	BG	BD	NP	DC	大	小	お	新	東	北	G	H	NET	P	BG	BD	NP	DC	大	小	お	新	北	西	G	H	NET	P	BG	BD	NP	DC	大	小	お	新	西	東	G	H	NET	P	BG	BD	NP	DC	大	小	お	新	東	北	G	H	NET	P	BG	BD	NP	DC	大	小	お	新	北	西	G	H	NET	P	BG	BD	NP	DC	大	小	お	新
渥美明夫	90.5	2	0	2	0		46	47	93	G		1		1							47	41	88	G		1		1													